TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24-8-2018
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Sách.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Lệ Nga.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Dương Thành Tâm, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Đực - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Phượng C, sinh năm: 1987. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Trần Văn T, sinh năm: 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo chị Trần Thị Phượng C và anh Trần Văn T trình bày: Vào năm 2007 sau khi tìm hiểu và thống nhất đi đến hôn nhân, anh T, chị P Chị tổ chức lễ cưới và cả hai sống với gia đình cha, mẹ đẻ anh Tuấn tại ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, trong quá trình chung sống có hạnh phúc và sinh được một người con tên Trần Văn N, sinh ngày 09/12/2008, đến ngày 05-02-2009 anh T, chị Phượng C mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, sau đó anh T, chị Phượng C cùng đi làm thuê ở tỉnh Bình Dương, đến đầu năm 2017 thì tình cảm vợ chồng anh T, chị Phượng C

phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm sống, hay cự cải với nhau, sau đó chị Phượng C bỏ về nhà cha mẹ ruột ở xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp để sinh sống, và từ đó anh T, chị Phượng C ly thân đến nay, trong thời gian ly thân anh T, chị Phượng C có gặp nhau vài lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng không thành.

Trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa:

- Chị Trần Thị Phượng C cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn T.

+ Về con chung: có 01 con chung tên Trần Văn N, sinh ngày 09/12/2008 hiện đang sống với chị, chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nhân, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Trần Văn T thì không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Phượng C, vì còn thương vợ con.

+ Về con chung: có 01 con chung tên Trần Văn N, sinh ngày 09/12/2008 hiện đang sống với chị Phượng C, nếu ly hôn anh yêu cầu được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu chị Phượng C cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa**:*

* Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

* Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và qua kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị Phượng C và anh Trần Văn T là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Phượng C thì cuộc sống của chị và anh T không hạnh phúc, anh T là ra được bao nhiêu tiền thì tiêu xài một mình, không lo cho gia đình, sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay, có gặp nhau hàn gắn tình cảm, nhưng không thành. Từ đó, có thể thấy mối quan hệ vợ chồng của chị Phượng C và anh T hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Phượng C là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có một con chung tên Trần Văn N, sinh ngày 09/12/2008, tại bản khai ngày 10-7-2018 cháu N có nguyện vọng sống chung với chị Phượng C. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con theo quy định tại Điều 110 luật Hôn nhân và gia đình nhưng chị Phượng C không yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con, nên chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Phượng C, anh T không cần cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn cư trú tại huyện Hồng Ngự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Qua việc tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và được gia đình hai bên thống nhất tổ chức lễ cưới nên chị Trần Thị Phượng C và anh Trần Văn T bắt đầu sống thành vợ chồng kể từ năm 2007 tại nhà cha mẹ đẻ của anh T, ở ấp L, xã L, huyện H; đến năm 2009 anh T, chị Phượng C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, nên hôn nhân của anh T, chị Phượng C là hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị Phượng C, anh T thừa nhận có thường xảy ra mâu thuẫn, mà bắt đầu là vào việc hai người đi làm thuê ở tỉnh Bình Dương, nên chị Phượng C ly thân với anh T, về sống tại nhà cha mẹ đẻ ở ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải 02 lần và tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã tổ chức hòa giải nhằm để cho chị Phượng C và anh T hàn gắn tình cảm lại và đoàn tụ gia đình, nhưng chị Phượng C kiên quyết xin ly hôn, đều đó chứng tỏ rằng chị Phượng C đã không còn tình cảm vợ chồng với anh T, do đó xét thấy mâu thuẫn giữa chị Phượng C với anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên nghĩ cần căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Phượng C ly hôn với anh T.

- Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Theo chị Phượng C và anh T thừa nhận có một con chung tên Trần Văn N, sinh ngày 09/12/2008 (hiện đang sống với chị Phượng C). Nay chị Phượng C, anh T đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con, xét thấy: Cháu N từ khi sinh ra đến nay luôn sống kề cận bên chị Phượng C và chị Phượng C cam đoan có đủ điều kiện để nuôi con, do đó để ổn định về mặt tinh thần và cuộc sống cho cháu N khi chị Phượng C, anh T ly hôn, đồng thời theo nguyện vọng của cháu N là xin được sống với mẹ (tại tờ khai ngày 10-7-2018), nên nghĩ cần

căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu N cho chị Phượng C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Trần Thị Phượng C chưa yêu cầu.

- Về tài sản, nợ chung: Chị Trần Thị Phượng C và anh Trần Văn T không yêu cầu, nên không giải quyết.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí. Thì chị Trần Thị Phượng C là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào khoảng tiền tạm ứng án phí chị Phượng C đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BG/2015 0003853 ngày 07-6-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, nên chị Phượng C đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm; Anh Trần Văn T không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Phượng C được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Chị Trần Thị Phượng C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Văn N, sinh ngày 09/12/2008 (hiện đang sống với chị Phượng C và cũng theo nguyện vọng của cháu N). Anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Trần Thị Phượng C chưa yêu cầu.

4. Về tài sản, nợ chung: Chị Trần Thị Phượng C và anh Trần Văn T không yêu cầu, nên không giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Trần Thị Phượng C là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào khoảng tiền tạm ứng án phí chị Phượng C đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BG/2015 0003853 ngày 07-6-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, nên chị Phượng C đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm;

- Anh Trần Văn T không phải nộp án phí.

6. Quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (24-8-2018).

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự:
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THADS huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Quốc Sách